

Số: 20/BC-KTNS

Nam Định, ngày 25 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

Tình hình thực hiện nội dung quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tình hình đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường bộ do cấp tỉnh và huyện quản lý, giai đoạn 2011 – 2018

Thực hiện chương trình hoạt động năm 2018, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã thành lập Đoàn giám sát, xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát chuyên đề về “Tình hình thực hiện nội dung quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tình hình đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường bộ do cấp tỉnh và huyện quản lý, giai đoạn 2011 – 2018”. Ban đã giám sát trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện: Trực Ninh, Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Vụ Bản; khảo sát 10 tuyến đường do Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện làm chủ đầu tư. Giám sát thông qua báo cáo đối với UBND thành phố Nam Định và các huyện: Ý Yên, Xuân Trường, Hải Hậu, Nam Trực, Mỹ Lộc. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lập, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ trong Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 14/10/2008. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đến nay đã có 2 lần điều chỉnh. Năm 2012 được điều chỉnh tại Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 10/10/2012; năm 2017 được điều chỉnh tại Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 22/11/2017. Quy hoạch điều chỉnh đã cập nhật đầy đủ, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan.

Việc tổ chức công bố quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đã được thực hiện đúng quy định; nội dung quy hoạch công khai đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện và thành phố; niêm yết và đăng tải công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại quyết định 2693/QĐ-UBND ngày

22/11/2017 của UBND tỉnh; mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh bao gồm:

- 03 đường vành đai bao quanh thành phố Nam Định để liên kết các trục hướng tâm và trung tâm huyện.

- 07 tuyến quốc lộ (QL): QL10, QL21, QL21B, QL37B, QL38B, QL37C, QL39B và tuyến đường bộ ven biển.

- Đường cao tốc Bắc – Nam và đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh đoạn chạy qua địa bàn tỉnh Nam Định.

- 13 tuyến tỉnh lộ (bao gồm cả tuyến trùng đường vành đai): 485, 485B (đường vành đai II), 486B, 487, 487B, 488, 488B, 488C, 489, 489B, 489C, 490C, 490B (Đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình).

- Các tuyến đường đô thị.

- Cầu qua sông lớn: sông Đào, sông Ninh Cơ, sông Hồng, sông Đáy, và cầu trên sông địa phương.

Trong giai đoạn 2011 - 2017, nhiều dự án đầu tư xây dựng giao thông đường bộ trong quy hoạch đã được thực hiện và hoàn thành đưa vào sử dụng như: QL21B (tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào); QL 37B đoạn từ thị trấn Gôi đến thị trấn Ngô Đồng; QL38B đoạn từ nút giao QL10 đến bến đò Bến Mới; Đường tỉnh (ĐT) 485; ĐT 488 đoạn từ ngã ba Trái Ninh đến thị trấn Thịnh Long; ĐT 488C; ĐT 489;... Các tuyến giao thông đường bộ từ thành phố Nam Định đến trung tâm 9 huyện và các thị trấn đều được xây dựng quy mô đường cấp III, cấp IV đồng bằng, mặt đường thảm bê tông nhựa; tất cả các xã đều có đường nhựa đến trung tâm xã. Hiện nay, một số dự án đang tiếp tục triển khai thi công: ĐT 487, ĐT 488 đoạn từ QL21 đến QL37B; ĐT 489C; ĐT 490B (đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình); cầu Thịnh Long trên tuyến đường bộ ven biển. Với việc các tuyến đường bộ huyết mạch được đầu tư xây dựng, nhiều tuyến tỉnh lộ được đầu tư nâng cấp thành quốc lộ, hệ thống giao thông của tỉnh đã cơ bản được hoàn thiện, tăng tính kết nối trung tâm các huyện, các khu công nghiệp, du lịch với thành phố Nam Định và các tỉnh bạn; tạo tiền đề nâng cao chỉ số cạnh tranh của tỉnh Nam Định trong thu hút đầu tư, góp phần tạo thế và lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Trong thời gian qua, các tuyến đường giao thông nội thị trên địa bàn thành phố Nam Định từng bước được quan tâm đầu tư nâng cấp theo quy hoạch; nhiều tuyến kênh mương hở được cải tạo gắn với đầu tư xây dựng đường giao

thông góp phần tạo cảnh quan, mỹ quan đô thị và môi trường cũng như sự kết nối, thuận tiện trong giao thông đô thị¹.

Việc tổ chức cấm mốc chỉ giới, quản lý quy hoạch và hành lang bảo vệ đường bộ cơ bản được thực hiện theo quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo tổ chức thực hiện: Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 12/10/2015 về việc thực hiện lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 04/8/2017 về lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh, Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với Ban an toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền vận động, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ; chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ thường xuyên thực hiện tuần tra, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, hành lang đường bộ. Qua các đợt cao điểm đã giải tỏa nhiều vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đảm bảo hệ đường thông thoáng, vệ sinh môi trường, thoát nước mặt đường; đã khắc phục được nhiều điểm đen về tai nạn giao thông góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ.

2. Tình hình đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường bộ do cấp tỉnh và huyện quản lý giai đoạn 2011 – 2018

2.1. Công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với lĩnh vực giao thông

Công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đối với các dự án giao thông cơ bản tuân thủ theo các quy định tại thời điểm lập kế hoạch. Giai đoạn 2011 – 2015, công tác lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển trong đó có vốn cho các công trình giao thông được thực hiện từng năm.

Sau khi có Luật Đầu tư công, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện. Theo Quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng nguồn vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu hỗ trợ từ ngân sách Trung ương trong giai đoạn 2016-2020 cho tỉnh Nam Định là 2.168.459 triệu đồng. Trong đó có 06 dự án khối giao thông được bố trí tổng số vốn là 799.552 triệu đồng; bao gồm 03 dự án đã quyết toán,

¹62 tuyến đường, phố, nương hờ với 37 km đường giao thông.

02 dự án chuyển tiếp, và 01 dự án khởi công mới². Ngoài ra, Chính phủ cũng đã dự kiến bố trí vốn ngân sách Trung ương cho 02 dự án giao thông lớn của tỉnh Nam Định, mỗi dự án là 1.000 tỷ đồng. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đang giao Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); Tỉnh đã có văn bản trình Chính phủ và được đồng ý về mặt chủ trương cho chuyển đổi hình thức đầu tư dự án xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định từ đầu tư theo hình thức PPP sang đầu tư công. Trong giai đoạn 2016-2020 tỉnh Nam Định được giao 1.106.280 triệu đồng vốn trái phiếu Chính phủ. Trong đó bố trí hết phần hạn mức trái phiếu Chính phủ còn lại cho 01 dự án đã quyết toán (Xây dựng tuyến đường bộ mới Mỹ Lộc - Phủ Lý) là 29.200 triệu đồng và bố trí vốn trái phiếu Chính phủ cho 01 dự án khởi công mới (Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình).

Trong giai đoạn 2011 – 2018 đã có 133 dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ do UBND các huyện, thành phố làm chủ đầu tư³ (trong đó có 18 dự án chuyển tiếp); 20 dự án do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư (trong đó có 4 dự án chuyển tiếp); 6 dự án do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh (có biểu mẫu kèm theo). Đến nay còn 38 dự án chưa hoàn thành, gồm có: 30 dự án do UBND các huyện, thành phố làm chủ đầu tư⁴; 5 dự án do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư⁵; 3 dự án do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư⁶.

2.2. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án giao thông

Trình tự thủ tục lập, thẩm định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư và điều chỉnh các dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ được thực hiện cơ bản theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Trong giai đoạn 2011 – 2014, khi Luật Đầu tư công chưa được ban hành, UBND tỉnh đã quyết định đầu tư 38 dự án có sử dụng nguồn vốn tỉnh

² Xây dựng tuyến đường gom đường vào Khu công nghiệp Mỹ Trung, tỉnh Nam Định.

³ Thành phố Nam Định 49 dự án, huyện Nghĩa Hưng 26 dự án; huyện Giao Thủy 10 dự án; huyện Mỹ Lộc 10 dự án, huyện Trực Ninh 9 dự án, huyện Ý Yên 6 dự án, huyện Vụ Bản 7 dự án, huyện Xuân Trường 6 dự án, huyện Nam Trực 6 dự án, huyện Hải Hậu 4 dự án.

⁴ Thành phố Nam Định 5 dự án, huyện Nghĩa Hưng 4 dự án, huyện Giao Thủy 3 dự án, huyện Mỹ Lộc 2 dự án, huyện Trực Ninh 3 dự án, huyện Ý Yên 5 dự án, huyện Vụ Bản 2 dự án, huyện Xuân Trường 2 dự án, huyện Nam Trực 1 dự án, huyện Hải Hậu 3 dự án.

⁵ Dự án xây dựng Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến thị trấn Thịnh Long, Dự án đầu tư xây dựng đường trục phát triển nổi Vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP), Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường 487 tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định, Dự án Xây dựng Tỉnh lộ 489C đoạn từ nút giao QL21 (cầu Lạc Quân) đến cầu Sa Cao.

⁶ Dự án đầu tư xây dựng cầu Thịnh Long thuộc tuyến đường bộ ven biển tỉnh Nam Định, Dự án xây dựng cầu Bến mới trên QL38B bắc qua sông Đáy, nối hai tỉnh Nam Định và Ninh Bình, Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng bắc bộ (WB6) trên địa bàn tỉnh Nam Định.

quản lý, điều hành (Dự án nhóm A: 01 dự án; Dự án nhóm B: 21 dự án, Dự án nhóm C: 16 dự án).

- Trong giai đoạn từ 2015 đến tháng 3/2018, đã quyết định chủ trương đầu tư 42⁷ dự án (Bao gồm: 23 dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương và 19 dự án sử dụng nguồn thu từ tiền đầu giá đất), trong đó: Dự án nhóm A: 01 dự án; Dự án nhóm B: 13 dự án, Dự án nhóm C: 28 dự án; Quyết định đầu tư 39 dự án (Bao gồm: 23 dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương và 16 dự án sử dụng nguồn thu từ tiền đầu giá đất), trong đó: Dự án nhóm A: 01 dự án; Dự án nhóm B: 11 dự án, Dự án nhóm C: 27 dự án).

Công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ đã được các chủ đầu tư tích cực phối hợp với địa phương để thực hiện. Trong thời gian qua, công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện chủ yếu theo cơ chế nông thôn mới vận động người dân hiến đất và tháo dỡ vật kiến trúc để thực hiện dự án. Chủ trương này được chính quyền địa phương và nhân dân đồng tình ủng hộ cao.

Các dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ được giao cho Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thành phố là chủ đầu tư; quá trình tổ chức thực hiện từ việc thiết kế xây dựng, quản lý thi công xây dựng, nghiệm thu và quyết toán công trình đã tuân thủ theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

2.3. Kết quả bố trí vốn cho các dự án đầu tư xây dựng giao thông đường bộ do tỉnh quản lý trong giai đoạn 2011 đến tháng 3 năm 2018

Từ năm 2011 đến tháng 3 năm 2018 nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý, điều hành đã bố trí cho 88 công trình giao thông (bao gồm 27 công trình chuyển tiếp sang giai đoạn 2011-2018; 61 công trình khởi công mới trong giai đoạn 2011-2018) với tổng số vốn 9.458.382 triệu đồng. Trong đó:

- Có 61 công trình đến nay đã quyết toán. Số vốn đã bố trí là 6.449.040 triệu đồng; bằng 68,2% tổng số vốn đã bố trí cho dự án khối giao thông trong giai đoạn 2011-2018. Bao gồm:

+ Có 40 công trình đã quyết toán đã bố trí đủ vốn. Số vốn đã bố trí là 2.293.497 triệu đồng; bằng 24,2% tổng số vốn đã bố trí cho các dự án.

+ Có 21 công trình đã quyết toán còn thiếu vốn. Số vốn đã bố trí là 4.155.543 triệu đồng; bằng 44% tổng số vốn đã bố trí cho các dự án. Vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán là 247.788 triệu đồng.

⁷Trong đó: có 39 dự án đã có quyết định đầu tư; còn 03 dự án chưa có quyết định đầu tư: cải tạo, nâng cấp đường Chính - Phong, huyện Ý Yên; cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cầu Họ - Hạnh Lâm, huyện Vụ Bản; cải tạo, nâng cấp đường An Thắng, huyện Nam Trực.

- Có 08 công trình hoàn thành chưa quyết toán. Số vốn đã bố trí là 1.034.410 triệu đồng; bằng 10,9% tổng số vốn đã bố trí cho các dự án. Vốn còn thiếu so với giá trị khối lượng thực hiện là 61.016 triệu đồng.

- Có 19 công trình chuyển tiếp. Số vốn đã bố trí là 1.974.932 triệu đồng; bằng 20,9% tổng số vốn đã bố trí cho các dự án. Vốn còn thiếu so với giá trị khối lượng thực hiện là 465.066 triệu đồng.

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 16/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 thông qua Đề án xây dựng các khu đô thị tại thị trấn trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 quy định tỷ lệ điều tiết khoản thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất các khu đô thị tại thị trấn trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 về việc quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, nguồn thu từ tiền sử dụng đất tại các khu đô thị thị trấn trung tâm, khu dân cư tập trung trên địa bàn các xã được bố trí đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn theo đề xuất của huyện. Đến nay, đã có 22 dự án đầu tư xây dựng giao thông sử dụng nguồn thu này. Trong đó: 16 dự án đã có quyết định đầu tư (có 09 dự án đã khởi công xây dựng); 03 dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư; 03 dự án đã có thông báo cho lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Tổng số vốn đã bố trí cho 09 dự án đã khởi công xây dựng tính đến tháng 3/2018 là 185.379 triệu đồng.

***Đánh giá chung**

Kế hoạch vốn đầu tư công cho các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh được lập theo hướng đa dạng hóa nguồn vốn, từng bước nâng cao hiệu quả đầu tư. Những năm qua, nguồn vốn ngân sách địa phương luôn giữ vai trò nòng cốt, lồng ghép với các nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông huyết mạch có tính kết nối vùng, kết nối trung tâm các huyện.

Các cấp, các ngành thường xuyên rà soát để kịp thời báo cáo UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thiện các thủ tục về thanh, quyết toán để giải ngân các dự án đã được bố trí vốn. Nâng cao chất lượng việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; phê duyệt dự án; lựa chọn nhà thầu,... đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Qua đó đã ngày càng nâng cao hiệu quả đầu tư; chất lượng và tiến độ xây dựng các công trình giao thông cơ bản được đảm bảo. Cùng với việc tích cực thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới, công tác giải phóng mặt bằng tại nhiều dự án giao thông đường bộ thực hiện theo cơ chế xây dựng nông thôn mới đã góp phần tạo sự đồng thuận trong nhân dân, đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm chi phí thực hiện dự án.

Từ năm 2016 đến nay, thực hiện cơ chế sử dụng vốn đầu tư từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu đô thị thị trấn trung tâm và khu dân cư tập trung

trên địa bàn các xã đã tạo điều kiện tăng quyền tự chủ cho các huyện trong lựa chọn công trình đầu tư, đặc biệt là các công trình giao thông trên địa bàn huyện để ngày càng đồng bộ, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế

1.1. Đối với công tác xây dựng, thực hiện Quy hoạch

- Việc xây dựng và điều chỉnh quy hoạch giao thông đã lấy ý kiến rộng rãi của các ngành, các địa phương, tuy nhiên một số tuyến đường khi quyết định đầu tư vẫn phải điều chỉnh cục bộ do quy hoạch chưa bám sát thực tế mặt bằng, nhu cầu dân sinh, kết nối với khu, cụm công nghiệp để xúc tiến và thu hút đầu tư,....

- Nam Định là một tỉnh thuộc khu vực duyên hải đồng bằng Bắc Bộ, địa giới hành chính tỉnh Nam Định ngăn cách với các tỉnh lân cận và bị chia cắt bởi 4 con sông lớn là Sông Hồng, sông Đáy, sông Đào và sông Ninh Cơ. So với quy hoạch thì hệ thống cầu qua các sông lớn mới chỉ có: 02 cầu trên QL21 gồm cầu Nam Định vượt sông Đào, cầu Lạc Quần vượt sông Ninh Cơ; 02 cầu trên QL10 gồm cầu Tân Độ vượt sông Hồng, cầu Non nước vượt sông Đáy; 02 cầu trên QL21B là cầu Tân Phong và cầu Đò Quan vượt sông Đào. Một số cầu lớn⁸ trên các tuyến quốc lộ và các tuyến đường huyết mạch của tỉnh chưa được đầu tư xây dựng đầy đủ theo quy hoạch nên giao thông đường bộ còn chưa thông suốt, còn phụ thuộc vào các bến phà, bến đò ngang.

- Công tác cấm mốc chỉ giới theo quy hoạch ở một số tuyến đường chưa đầy đủ theo quy định, không đảm bảo khoảng cách, đặc biệt là khu vực qua khu dân cư. Một số tuyến đường quy hoạch hướng tuyến qua các khu dân cư hiện hữu nên gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác quản lý hành lang an toàn giao thông trên một số tuyến đường do huyện quản lý còn hạn chế nên tình trạng vi phạm hành lang an toàn giao thông còn diễn ra, vẫn còn tình trạng nhân dân chiếm đất dành cho giao thông đường bộ xây dựng công trình trái phép. Nhiều tuyến đường giao thông được hình thành từ lâu đời gắn liền với khu dân cư ven đường; mặt đường nhỏ hẹp; khi nâng cấp, cải tạo tuy đã được nhân dân hiến đất mở rộng mặt đường, nhưng nhiều vị trí vẫn không có hành lang an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn trong quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ.

1.2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng giao thông đường bộ

- Nhiều dự án giao thông đường bộ chưa xác định được rõ cơ cấu nguồn vốn để thực hiện dự án đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công; một số dự

⁸Cầu Bến Mới (QL38B); Cầu Đống Cao, cầu Ninh Cường, cầu Cồn Nhất (QL37B); cầu Đại Nội, cầu Quỹ Nhất (QL21B).

án trong quá trình triển khai còn phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần. Công tác thẩm định, phê duyệt quyết toán một số dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ còn chậm⁹ so với quy định

- Số vốn còn thiếu chưa bố trí cho các dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ là tương đối lớn, trong giai đoạn từ 2011 đến thời điểm giám sát (tháng 5/2018), tổng số vốn còn thiếu so với giá trị quyết toán và giá trị khối lượng đã thực hiện là 773.870 triệu đồng, trong đó riêng ngân sách cấp tỉnh là 553.093 triệu đồng.

- Vốn từ ngân sách cấp huyện đầu tư cho các tuyến đường huyện và liên xã còn hạn chế, còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách cấp trên. Theo báo cáo của UBND các huyện với Đoàn giám sát, trong giai đoạn 2011 – 2016 một số huyện không bố trí nguồn vốn từ ngân sách huyện cho các công trình giao thông đường bộ do UBND huyện làm chủ đầu tư như: Hải Hậu, Ý Yên, Giao Thủy; các huyện còn lại bố trí từ ngân sách huyện cũng hạn chế¹⁰.

- Quá trình thực hiện một số dự án đầu tư công trình hạ tầng giao thông chưa đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật như cấp thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, công trình thủy lợi... Nhiều dự án hoàn thành nhưng vẫn phát sinh việc đào bới để thi công các hạng mục công trình hạ tầng khác.

- Một số dự án đầu tư xây dựng giao thông đường bộ đã triển khai từ lâu nhưng đến nay chưa hoàn thành đúng tiến độ toàn bộ dự án đã ảnh hưởng tới hiệu quả đầu tư như: đường trục Tiến - Hải huyện Giao Thủy (Giai đoạn 1); đường trục trung tâm huyện Mỹ Lộc (đoạn Cầu Giáng - Lê Xá); xây dựng cầu Cỏ Chử qua sông Châu Thành huyện Nam Trực,...

- Qua khảo sát cho thấy, có dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ do UBND huyện làm chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu quyết toán công trình nhưng chưa hoàn thành đồng bộ dự án như: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường phòng chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn Bình - Lạc huyện Giao Thủy đã hoàn thành nhưng hạng mục rãnh dọc thoát nước đoạn qua khu dân cư không được địa phương thực hiện.

2. Nguyên nhân

- Ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu vốn cho phát triển giao thông đường bộ, đặc biệt là các dự án tăng tính kết nối vùng nhằm thu hút đầu tư, đảm bảo an ninh quốc phòng và thực hiện nhiệm vụ phòng

⁹Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường 488C tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định và cải tạo nâng cấp đường Vàng huyện Nam Trực chậm phê duyệt quyết toán trên 36 tháng.

¹⁰Huyện Mỹ Lộc: 2,3 tỷ đồng, huyện Trực Ninh: 2,54 tỷ đồng, huyện Xuân Trường: 4,9 tỷ đồng, huyện Nam Trực: 5,5 tỷ đồng, huyện Vụ Bản: 5,64 tỷ đồng.

chống lụt bão,... Nguồn vốn đầu tư còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách Trung ương¹¹, chưa chủ động được nguồn vốn trong thanh toán nợ xây dựng cơ bản.

- Hệ thống pháp luật hiện hành về đầu tư công và đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) còn có một số điểm bất cập, gây khó khăn khi triển khai trong thực tế, làm kéo dài thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án và tình chưa triển khai thực hiện được nhiều dự án đầu tư theo hình thức này để tranh thủ nguồn vốn của các thành phần kinh tế, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

- Công tác giải phóng mặt bằng tại một số dự án còn gặp khó khăn, vướng mắc; một số nhà thầu chưa tập trung cao nhân lực, thiết bị thi công công trình; công tác phối hợp giữa chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn có lúc còn chưa chặt chẽ.

- Tiến độ thực hiện các dự án xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung ở một số huyện còn gặp khó khăn, vướng mắc nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng và tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất¹². Điều này ảnh hưởng đến việc cân đối bố trí nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất cho việc đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn huyện¹³.

- Nguồn nguyên vật liệu sử dụng xây dựng hạ tầng giao thông đối với tỉnh Nam Định cũng gặp nhiều khó khăn. Vật liệu thiên nhiên tự khai thác chỉ có cát đen, các vật liệu quan trọng như đá, cấp phối đá, xi măng, thép... đều phải mua và vận chuyển từ các tỉnh khác dẫn đến suất đầu tư vào hạ tầng giao thông bộ tăng cao.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nâng cao tính chủ động của cấp tỉnh trong quyết định chủ trương đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi khi hoàn thiện các thủ tục đầu tư.

- Quan tâm, bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn ngân sách Trung ương để sớm hoàn thành dự án xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và các dự án khác.

¹¹Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, số vốn đầu tư chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương đã giao cho tỉnh trong giai đoạn 2016-2020 để thực hiện các dự án chuyển tiếp và khởi công mới thuộc lĩnh vực giao thông là 171.460 triệu đồng, chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương (phần vốn ngân sách Trung ương đã được chấp thuận của các dự án chuyển tiếp và dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 đã có văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính là 791.845 triệu đồng). Vì vậy, trước mắt không thể có khả năng cân đối vốn ngân sách Trung ương để đảm bảo bố trí đủ vốn theo tiến độ hoặc hoàn thành các dự án như kế hoạch đã đề ra.

¹²Khu đô thị thị trấn trung tâm huyện Trực Ninh, Nam Trực khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, khu đô thị thị trấn trung tâm huyện Giao Thủy khó khăn trong đấu giá quyền sử dụng đất.

¹³Dự án đầu tư xây dựng đường Tiên – Thịnh huyện Giao Thủy, đường Phong - Bình huyện Nghĩa Hưng sử dụng vốn từ đấu giá đất tại khu đô thị thị trấn trung tâm đến thời điểm giám sát đã thực hiện khoảng 23% và 40% giá trị hợp đồng nhưng vẫn chưa được bố trí vốn.

2. Đối với UBND tỉnh

- Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, xem xét các tuyến đường cần ưu tiên đầu tư, có kế hoạch đầu tư phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế ở các vùng trọng điểm đồng thời quan tâm tới các địa phương còn khó khăn về giao thông.

- Bố trí vốn đầy đủ, kịp thời cho các dự án xây dựng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch; đảm bảo ưu tiên thanh toán cho công trình đã quyết toán, công trình hoàn thành chưa quyết toán, công trình chuyển tiếp. Chỉ bố trí khởi công mới các công trình cấp bách hoặc có tác động quan trọng tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có đủ thủ tục theo quy định.

- Chỉ đạo chủ đầu tư phối hợp với các sở, ngành có liên quan nâng cao chất lượng thẩm định và kịp thời phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng hoàn thành theo quy định.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

- Tranh thủ sự ủng hộ của các bộ, ngành Trung ương, sớm hoàn thành thủ tục dự án đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình, tuyến đường bộ ven biển; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công dự án đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

3. Đối với Sở Giao thông vận tải

- Tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong triển khai thực hiện quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong đó có nội dung quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ đảm bảo thứ tự ưu tiên và lộ trình thực hiện trong quy hoạch.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định thiết kế, dự toán công trình, chú trọng phối hợp với Chủ đầu tư trong công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng xây dựng công trình giao thông đường bộ để nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Rà soát, bố trí đầy đủ hệ thống đảm bảo an toàn giao thông ở các tuyến đường mới đầu tư nâng cấp cải tạo và các đảo giao thông ở các nút giao thông có nguy cơ tai nạn cao. Quan tâm việc cấm mốc và quản lý mốc giới quy hoạch giao thông đường bộ theo phân cấp

4. Đối với UBND các huyện, thành phố

- Thực hiện việc cấm mốc chỉ giới theo quy hoạch ở toàn bộ các tuyến đường do cấp huyện quản lý, đồng thời quản lý tốt mốc giới quy hoạch ở các tuyến đường tỉnh lộ và tuyến đường tỉnh ủy thác, đảm bảo hành lang an toàn giao thông đường bộ.

- Trên cơ sở Quy hoạch kinh tế - xã hội, Quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt, nghiên cứu và có phương án đầu tư các tuyến đường do

huyện quản lý mà chưa được đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp để đảm bảo hệ thống giao thông huyện được hoàn chỉnh và đồng bộ.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường bộ; đồng thời có kế hoạch cân đối bố trí vốn từ ngân sách huyện để thực hiện các dự án nhằm sớm hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan và các ngành điện lực, viễn thông, thủy nông... trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng giao thông trên địa bàn đảm bảo đồng bộ với các dự án kết cấu hạ tầng khác.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung ở các huyện và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức bán đấu giá để có nguồn vốn bố trí xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn.

Trên đây là kết quả giám sát chuyên đề Tình hình thực hiện nội dung quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tình hình đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường bộ do cấp tỉnh và huyện quản lý, giai đoạn 2011 – 2018, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu mời dự kỳ họp;
- Các đơn vị được giám sát;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Trịnh Minh Đức

BIỂU 01: DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ DO UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ TỪ 01/01/2011 ĐẾN 31/3/2018

(Kèm theo Báo cáo số: 20/BC-KTNS ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
A	Dự án chuyển tiếp từ trước 2011															
1	CT,NC đường Thịnh Thái huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Thịnh-Nghĩa Thái	1,963	Cấp V ĐB	1.189		1.189	1.189	2010-2011	2010-2011	1.151	1.151		1.151		0
2	Đường Giấy Nhất - Chợ gạo	Nghĩa Lạc, Nghĩa Hồng, Nghĩa Phong, Nghĩa Phú, Nghĩa Bình	7,9821	Cấp IV ĐB	89.932	89.932			2010-2011	2010-2011	79.849	79.848	78.653	1.195		0
3	Đường trục trung tâm huyện lỵ Mỹ Lộc (đoạn từ cầu Giáng đến cầu Lê Xá)- Giai đoạn I	Thị trấn Mỹ Lộc	1.867		4.316	3.949	367		2002-2003	11.2004-10-2007	4.326	4.326	2.459	1.867		
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi đoạn từ chùa Nhuế xã Mỹ Thuận đến đóc Kếu xã Mỹ Hà	Mỹ Thuận, Mỹ Thịnh, Mỹ Tiến	7.454	Đường cấp VI đồng bằng	11.955	11.955			2010-2011	4.2010-5.2011	11.376	9.310	9.310			2.066
5	Cải tạo, nâng cấp đường 63B đoạn từ đóc Lóc xã Mỹ Phúc đến công Chéo xã Mỹ Hà huyện Mỹ Lộc (giai đoạn I)	Mỹ Phúc, Mỹ Thăng, Mỹ Hà	4.690	Đường cấp VI đồng bằng	3.776	3.776			2009-2011	02.2010-10.2015	3.313	3.312	3.312			0
6	Cải tạo nâng cấp đường Hoàng Văn Thu	TP Nam Định	1,3897	Đường cấp 4	13.504				2010 - 2011	100%	11.617	11.617	11.617			0
7	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Hưng Yên	TP Nam Định	0,5647	Đường cấp 4	7.960				2010 - 2011	100%	7.470	7.470	7.470			0
8	Cải tạo nâng cấp đường Vị Xuyên	TP Nam Định	0,4451	Đường cấp 4	4.644				2010 - 2011	100%	4.489	4.489	4.489			0
9	Nút giao thông cầu vượt Lộc Hòa - Lộc An, hoàn thiện nhánh B4 và tuyến điện chiếu sáng Văn Cao đoạn từ nút giao cầu LA đến công công ty Than Hà Nam Ninh	TP Nam Định			54.661				2010 - 2012		50.860	50.860	9.000		31.860	0

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
	Nhánh B4		0,3783	Đường cấp 4						100%						
10	Cải tạo nâng cấp và thảm nhựa đường Phù Nghĩa	TP Nam Định	1,4872	Đường cấp 4	30.819				2010 - 2011	100%	30.040	30.040	11.040		19.000	0
11	Cải tạo, nâng cấp đường, hệ, công thoát nước tuyến đường Hai Bà Trưng – Hàng Cau	TP Nam Định	2,2570	Đường cấp 4					2010 - 2012	100%	17.667	17.667	8.667		9.000	0
12	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Nguyễn Bình đoạn từ Ngã 4 đường Trần Nhân Tông đến đê Sông Đào	TP Nam Định	1,5355	Đường cấp 4	6.001				2010 - 2012	100%	5.931	5.931	2.500		3.431	0
13	Xây dựng đường từ đường Đông A đến đường Trường Chinh và khu TĐC hồ Hàng Nan	TP Nam Định		Đường cấp 4	117.371				2010 - 2016	100%	83.645	83.224	57.224		26.000	422
	Đường từ đường Đông A đến đường Trường Chinh		1,0563	Đường cấp 4						100%						
14	Dự án Nâng cấp Đô thị Nam Định	TP Nam Định			1.152.878				2004 - 2014		980.628	977.911	138.417	30.127	809.366	2.717
	Đường Phúc Trọng	xã Mỹ Xá	1,6400	Đường cấp 4						100%						
	Đường từ công trường THĐ đến đường Trần Thái Tông	p. Lộc Vượng	0,1940	Đường cấp 4						100%						
	Đường Giải Phóng (đoạn từ đường Trần Huy Liệu đến đường Văn Cao)	p. Văn Miếu	0,4500	Đường cấp 4						100%						
	Đường Văn Cao (đoạn từ đường Giải Phóng đến giáp đường sắt)	p. Văn Miếu	0,2980	Đường cấp 4						100%						
15	Đầu tư vùng đệm VQG Xuân Thủy huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Xã Giao Thiện, Giao An, Giao Lạc,	12,5	Cấp 5	217.862	217.862			2006 - 2016	Đã quyết toán	205.612	183.513	183.513			22.099
16	Cải tạo, nâng cấp giai đoạn 2 đường ra vườn quốc gia Xuân Thủy (TL 489) huyện Giao Thủy	Huyện Giao Thủy, Xuân Trường	23,6	Cấp 4	447.019	447.019			2009 - 2015	Đã quyết toán	446.218	446.217	446.217			0

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
17	Dự án sửa chữa đường trục xã Quang Trung	huyện Vụ Bản		Cấp V	4.617,3				KC 2010 - HT 2011	Đã quyết toán	4.604,2	4.600,0				4,2
18	Đường Vàng	huyện Nam Trực	8	IV	139.719	19.595	124	120.000	HT 2014		Đang làm thủ tục quyết toán	120.124		124	120.000	19.595
B	Dự án đầu tư xây dựng từ 01/01/2011 đến 31/12/2015															
I	Các dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán															
1	Đường cứu hộ cứu nạn Hồng Hải Đông	Phong, Hồng, Phú, QN, Lâm, Hùng, Hải RĐ	17,22925	Cấp IV+V ĐB	238.463	238.463			2011-2015	2011-2015	197.362	197.362	195.876	1.486		0
2	Đường Phía tây sông Thống nhất	xã Nghĩa Trung	1,2	Cấp V ĐB	2.596		2.596		2011	2011	2.405	2.405		2.405		0
3	CT,NC TL482 (Cầu liểu đê - trục đông tây Nội thị)	TT Liểu Đê	0,5	Cấp V ĐB	2.762		2.762		2010	2010	2.511	2.511		2.511		0
4	Đường trục trung tâm xã Nghĩa Minh(đoạn từ TL486B đến chùa Nghĩa Minh)	xã Nghĩa Minh	0,6	Cấp IV ĐB	2.577		2.577		2012	2012	2.567	2.567		2.567		0
5	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Hồng đoạn từ đường giấy nhất đến Nghĩa trang liệt sỹ	Xã Nghĩa Hồng	1,0	Cấp V ĐB	3.226		3.226		2012-2013	2012-2013	3.186	3.186		3.186		0
6	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Thái đoạn từ cầu Nhân hậu đến Trạm điện	Xã Nghĩa Thái	0,35	Cấp V ĐB	1.941		1.941		2013	2013	1.806	1.806		1.806		0
7	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Minh đoạn từ cửa chùa đến đê tả đèo	xã Nghĩa Minh	0,6	Cấp V ĐB	3.223		3.223		2013	2013	2.818	2.818		2.818		0

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu	
					Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
8	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Phú đoạn từ đường Giây Nhất đến cầu trắng	xã Nghĩa Phú	0,947	Cấp VI ĐB	4.557				2013	2013	4.281	4.281		4.281		0
9	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Đồng đoạn từ đường Đen đến UBND xã	xã Nghĩa Đồng	1,3323	Cấp IV Đồng bằng	5.982				2014	2014	5.090	5.090		5.090		0
10	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Thành đoạn từ UBND xã đến TL 490C	xã Nghĩa Thành	1,127	Cấp V Đồng bằng	5.672				2014	2014	4.962	4.962		4.962		0
11	CT,NC đường trục TT xã Nghĩa Phú đoạn từ cầu Phú Lợi đến cầu Trắng	Nghĩa Phú	1,3179	Cấp IV Đồng bằng	5.889				2014	2014	5.254	5.254		5.254		0
12	CT,NC đường trục TT xã Nghĩa Bình đoạn từ cầu Ông Thiên đến đường WB2	Nghĩa Bình	1,1658	Cấp IV Đồng bằng	6.215				2014-2015	2014-2015	5.575	5.575		5.575		0
13	CT,NC đường trục trung tâm xã Hoàng Nam đoạn từ QL37B đến Chùa Hưng Thịnh	Hoàng Nam	1,7912	Cấp IV đồng bằng	9.718				2015	2015	9.267	9.267		9.267		0
14	CT,NC đường Phú Lợi đoạn từ đường chợ gạo đến đường Hồng Hải Đông huyện	Quý Nhất	0,87728	Cấp IV đồng bằng	9.582	9.582			2015-2016	2015-2016	8.497	8.496	8.496			1
15	CT,NC đường Lâm - Hùng Hải huyện Nghĩa Hưng	xã Nghĩa Lâm, nghĩa Hùng, Nghĩa Hải	9,207	Cấp V đồng bằng	94.163	94.163			2014-2018	2014-2017	90.542	42.813	42.813			47.729
16	Cải tạo nâng cấp đường Trần Huy Liệu (đoạn từ Ngã 6 Năng Tĩnh đến đường sắt)	TP Nam Định		Đường cấp 4	4.822				2011	100%	4.381	4.381	1.500		2.881	0
17	Cải tạo nâng cấp đường Trần Nhật Duật (đoạn từ Hàn Thuyên đến đường Trần Nhân Tông)	TP Nam Định	0,8227	Đường cấp 4	10.676				T12/2011 - T6/2012	100%	9.814	9.814		9.814		0
18	Cải tạo nâng cấp đường Trần Quang Khải (đoạn từ ngã ba đường Văn Cao đến ngã tư đường Nguyễn Văn Trỗi)	TP Nam Định	0,5338	Đường cấp 4	6.758				T9/2011 - T2/2012	100%	6.304	6.304		6.304		0

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí			Số vốn còn thiếu		
					Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện					Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác
19	Cải tạo nâng cấp đường Văn Cao đoạn từ GP đến nghĩa trang xã Lộc An	TP Nam Định		Đường cấp 4	14.044				T3/2012 - T8/2012	100%	10.399	10.399		10.399		0
20	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Mạc Thị Bưởi (đoạn từ ngõ 92 đến Cầu Sắt), đường Cột Cờ (đoạn từ ngã ba Bến Thóc đến ngã ba Phạm Hồng Thái) và đường Hoàng Hoa Thám	TP Nam Định		Đường cấp 4	11.525				T12/2011 - T7/2012		10.155	10.155		10.155		0
	- đường Mạc Thị Bưởi (đoạn từ ngõ 92 đến Cầu Sắt)		0,7024							100%						
	- đường Cột Cờ (đoạn từ ngã ba Bến Thóc đến ngã ba Phạm Hồng Thái)		0,1167							100%						
	- đường Hoàng Hoa Thám		0,4220													
21	Cải tạo nâng cấp đường Ngô Quyền, đường Nguyễn Văn Trỗi	TP Nam Định		Đường cấp 4	5.050				T12/2011 - T5/2012		4.886	4.886		4.886		0
	- đường Ngô Quyền		0,0660							100%						
	- đường Nguyễn Văn Trỗi		0,8730							100%						
22	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Nam Phong	x. Nam Phong		Đường cấp 4	7.686				T12/2012 - T4/2013	100%	6.782	6.782		6.782		0
23	Cải tạo nâng cấp đường hệ cống thoát nước đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ ngã ba giao với đường TBS đến đường TNT)	TP Nam Định	0,8730	Đường cấp 4	3.626				2013	100%	3.561	3.561		3.561		0
24	Cải tạo nâng cấp đường hệ cống thoát nước đường Ngô Quyền (đoạn từ ngã tư giao với đường Hàng Thao đến đường TNT)	TP Nam Định	0,0660	Đường cấp 4	2.216				2013	100%	2.032	2.032		2.032		0
25	Cải tạo nâng cấp đường 19-5 (đoạn từ ngã ba đường TB đến đê sông Đào và đường Phù Lọng)	p. Trần Tế Xương	0,9790	Đường cấp 4	6.167				T11/2011 - T9/2012	100%	6.028	6.028		6.028		0
26	Đường Nguyễn Công Trứ kéo dài	TP Nam Định	0,3340	Đường cấp 4	11.846				T10/2012 - T5/2014	100%	10.645	10.645		10.645		0

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
27	Cải tạo nâng cấp đường Cù Chính Lan và đường Hùng Vương đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Hàn Thuyên	TP Nam Định		Đường cấp 4	8.967				2012		8.670	8.670		8.670		0
	- Đường Cù Chính Lan		0,7710							100%						
	- Đường Hùng Vương đoạn từ TC đến HT		0,3114							100%						
28	Cải tạo nâng cấp đường Hoàng Diệu và đường Tràng Thi	TP Nam Định		Đường cấp 4	6.102				2012		5.250	5.250		5.250		0
	- Đường Tràng Thi		0,2328							100%						
	- Đường Hoàng Diệu		0,3675							100%						
29	Cải tạo nâng cấp đường Tô Hiến Thành và cầu qua kênh	TP Nam Định	0,5692	Đường cấp 4	9.147				T8/2012 - T2/2013	100%	8.787	8.787		8.787		0
30	Đường trục phường Lộc Vượng (Đoạn từ cầu ông Lơ đến UBND phường Lộc Vượng)	p. Lộc Vượng	0,4430	Đường cấp 4	10.310				2013 - 2014	100%	10.043	10.043		10.043		0
31	Cải tạo nâng cấp đường Bùi Huy Đáp	p. Hạ Long	0,1847	Đường cấp 4	2.564				2012 - 2013	100%	2.001	2.001		2.001		0
32	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Nam Phong (đoạn từ trường TH xã Nam Phong đến cổng Ngõ Xá)	x. Nam Phong		Đường cấp 4	2.354				2013 - 2014	100%	2.335	2.335		2.335		0
33	Đường trục phường Lộc Vượng (Đoạn từ UBND p. LV đến Quốc Lộ 10)	p. Lộc Vượng	0,2798	Đường cấp 4	48.484				2015	100%	47.341	47.341	47.341			0
34	Xây dựng đường gom QL10 đoạn phía trước Trung tâm đào tạo vận động viên thể dục thể thao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định	TP Nam Định	0,2798	Đường cấp 3	12.682				2013 - 2014	100%	10.621	10.621	10.621			0
35	Cải tạo nâng cấp đường Ngô Tất Tố	TP Nam Định	0,4370		2.754				2014	100%	2.447	2.447		2.447		0
36	CT, NC tuyến đường vào nhà máy XLRT xã Lộc Hòa	TP Nam Định	2,1463	Đường cấp 4	14.855				2013	100%	13.740	13.740		13.740		0
37	Nâng cấp đường Ván khâu và cống thoát nước sau trụ sở UBND phường Cửa Nam	TP Nam Định	0,2528	Đường cấp 4	5.179				2015-2016	100%	5.040	5.040		5.040		0

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu							
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn										
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác								
38	Cải tạo, nâng cấp, đường Nguyễn Du (đ. TTX - Hùng Vương)	TP Nam Định	0,7256	Đường cấp 4	7.915				2015	100%	7.269	7.269		7.269		0							
39	XD đường Túc Mác kéo dài (đoạn nối từ đường Vũ Trọng Phụng đến đường 52m)	TP Nam Định	0,0700	Đường cấp 4	2.071				2015 - 2016	100%	2.195	2.195		2.195		0							
40	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn từ cầu Bà Út đến cổng Cò xã Lộc Hòa	x. Lộc Hòa	1,16848	Đường cấp 5	9.036				2015	100%	8.253	8.253		8.253		0							
41	Dự án: Cải tạo nâng cấp xây dựng một số tuyến đường cứu hộ & phòng chống lụt bão tuyến đê tả sông Sò, huyện Giao Thủy	Xã Giao Tiên, Giao Tân, Giao Thịnh	12,5	Cấp 5	63.126	63.126																	
	Trong đó tuyến đường 489 xã Giao Thịnh ra đê sông Sò giai đoạn I		1,14															2014 - 2015	Đã quyết toán	9.457	8.613	8.613	
	Đường xã Giao Tiên ra đê sông Sò giai đoạn I		1,9	Cấp 5														2016 - 2017			14.520	5.747	5.747
42	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão Giao Tiên - Giao Hải huyện Giao Thủy Giai đoạn II	Xã Giao Tiên, Giao Nhân, Giao Hải	10,5	Cấp 5	41.888	41.888			2011 - 2013	Đã quyết toán	41.889	41.889		41.887		1,15							
43	Nâng cấp đường Giao Thanh - Giao Hương cứu nạn, cứu hộ phòng chống lụt bão và phát triển kinh tế xã hội huyện Giao Thủy	Xã Giao Thanh, Giao Hương	7,5	Cấp 5	63.880,3	63.880,3			2012 - 2016	Đã quyết toán	62.842,5	62.842,5		62.842,5		0,0							
44	Cải tạo, nâng cấp đường Tiên Long Đoạn từ TL 489 đến QL 37B huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Giao Tiên, Giao Châu	8,35	Cấp 5	91.956	91.956			2015 - 2016	Đã quyết toán	90.808	90.808		90.808		0,0							
45	Cải tạo, nâng cấp đường Giao Thiện - Giao Hương huyện Giao Thủy	Xã Giao Hương, Giao Thiện	1,5	Cấp 5	11.937	11.937			T3 - T9 2016	Đã quyết toán	10.952	6.432		6.432		4.520							
46	Điều chỉnh, BS dự án xây dựng tuyến đường từ đốc đê đường 38 vào xã Mỹ Thắng thuộc khu di tích đền Bảo Lộc	Xã Mỹ Phúc, Mỹ Thắng			48.187	48.187			2012	10.2012	51.876	51.876		51.876		0							

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
47	Điều chỉnh, bổ sung BC KTKT Cải tạo, nâng cấp đường 63B đoạn từ dốc Lóc xã Mỹ Phúc đến công Chéo xã Mỹ Hà huyện Mỹ Lộc (giai đoạn II)	Mỹ Hà	2,5	Đường cấp VI đồng bằng	8.933	8.933			2015	7.2015	7.997	7.997	7.997			0
48	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ quốc lộ 21A vào đình Sùng Văn đến cầu Hộ xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Thuận,	2,7	Đường cấp VI đồng bằng	14.951	14.951			2015-2016	3.2015-10.2015	13.521	13.521	13.521			0
49	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ quốc lộ 21A vào đền Trần Quang Khải đến xã Lộc Hòa, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Mỹ Thành	7,1	Đường cấp V đồng bằng	59.771	59.771			2014-2018	2014-2017	53.109	23.380	23.380			29.729
50	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Thành Lợi – Liên Minh (đoạn từ chợ Gạo đến chợ Hâu) và cầu An Nhân	huyện Vụ Bản		Cấp VI	19.419,0				KC 2011 - HT 2013		19.021,0	19.021,0	19.021,0			0
51	Cải tạo nâng cấp đường B16 - B17 đoạn từ Tỉnh lộ 56 đến xã Tân Khánh, huyện Vụ Bản	huyện Vụ Bản		Cấp VI	5.640,0				KC 2012 - HT 2013		5.640,0	5.640,0	5.640,0			0
52	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Chợ Lội xã Hiền Khánh đến xã Đại Thắng huyện Vụ Bản (Quyết toán giai đoạn)	huyện Vụ Bản	16,4	Cấp V	265.637,0				KC 2014 - HT 2017		198.027,0	174.230,0	174.230,0			23.797,0
53	Đường Nam Ninh Hải (Đoạn từ công Chéo đến đường 56 xã Trục Đại)	Trục Ninh	6	Cấp V	42.888	42.888			2011-2013	19 tháng	41.094	41.094	41.094			
54	Đường Nam Ninh Hải (Đoạn từ cầu chợ Giá đến công Giá)	Trục Ninh	1,328	Cấp VI	11.120	11.120			2012-2013	9 tháng	11.120	11.120	11.120			
55	Đường 53 C	Trục Ninh	2,8	Cấp V	16.216	11.382	3.379		2012-2013	12 tháng	14.761	13.919	11.382	2.537		
56	Đường Hưng- Mỹ	Trục Ninh	7,0422	Cấp V	65.549	65.549			2015-2017	33 tháng	54.022	26.430	26.430			
57	Đường Trung Đông- Trục Tuấn	Trục Ninh	4,597	Cấp V	33.318	33.318			2014-2017	37 tháng	9.748	9.350	9.350			
58	Đường Hữu Nghị	Trục Ninh	2	Cấp IV-V	21.077	21.077			2015-2016	15 tháng	17.889	16.468	16.568			

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
59	Dự án đường trục PTKTXH Nam Dương - Bình Minh	huyện Nam Trực	6,6	V	26.082	26.082			5/2015-12/2016	19 tháng	25.143	14.240	14.240		10.902	
60	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Hoa Lợi Hải	huyện Nam Trực	8,84	V	62.558	62.558			2015 - 2017	22 tháng	49.460	35.860	35.860		13.600	
61	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Tiến Thái	huyện Nam Trực	2,3	V	8.517		8.517		3/2015-4/2016	13 tháng	8.051	5.500		5.500	2.551	
62	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 50 huyện Xuân Trường	huyện Xuân Trường	22,9	IV	92.463	90.019	2.444		2011-2016	2012-2016	85.040	85.040	82.596	2.444		
63	Dự án xây dựng đường Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường	huyện Xuân Trường	0,798	V	10.791	5.204	5.587		2015-2017	2015-2016	7.368	7.368	4.898	2.470		
64	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Tiến Hòa, huyện Xuân Trường	Xuân Tiến, Xuân Hòa	9,118	V	52.071	52.071			2014-2018	2014-2016	46.166	46.166				
65	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Xuân Phú - Xuân Tân huyện Xuân Trường	Xuân Phú, Xuân Tân	4,011	VI	28.878	28.878			2014 - 2018	2014- 2017	28.217	12.990	12.990		15.227	
66	Đường Trung Hòa giai đoạn 1	Hải Hậu	5,3	V	31.108	31.108			2012-2014	18 tháng+gia hạn HĐ 12 tháng	31.108	31.108	31.108			
II	Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán															
1	CT,NC đường Minh - Châu huyện Nghĩa Hưng	Nghĩa Minh- Nghĩa Châu	4,49641	Cấp V đồng bằng	39.889	39.889			2014-2018	2014-2018	29.176	15.210	15.210		13.966	
2	Cải tạo, nâng cấp TL485 đoạn Phú Cầu - chợ huyện Cổ Đám	huyện Ý Yên	6,861	IV	174.179	170.179		4.000	2013	410 ngày	147.179	141.750	140.750	1.000	5.429	
III	Các dự án chưa hoàn thành															
1	Cải tạo nâng cấp đường Kênh (Từ UBND phường Lộc Vượng đến công quán Tây)		0,5600	Đường cấp 4	13.171,00				2015 - 2016	88%		8.537,60		8.537,60		
2	Xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường Trần Thánh Tông giai đoạn 2	TP Nam Định		Đường cấp 4	77.760,00				2011 - 2017			77.695,00			4.890,60	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
-	Đoạn từ đường MTB đến đường 52m		0,1850						90%							
-	Đoạn từ đường 20,5m đến đường Phù Nghĩa		0,4250						100%							
3	Cải tạo, nâng cấp đường 57B	huyện Ý Yên	20,685	IV	204.412	204.412			10/2015	30 tháng	179.000	138.580			40.420	
C	Dự án đầu tư xây dựng từ 01/01/2016 đến 31/3/2018															
I	Các dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán															
1	CT,NC đường Thành - Lâm đoạn từ cầu Ông Chu xã Nghĩa Thành đến cầu Nguyễn Văn Trỗi xã Nghĩa	Nghĩa Thành - Nghĩa Lâm	1,2632	Cấp IV ĐB	5.330				2016	2016	5.155	5.155		5.155	0	
2	CT,NC đường trục trung tâm xã Nam Điền đoạn từ ngã ba chợ đến hết xóm 1 xã Nam Điền	NĐ	1,6845	Cấp IV ĐB	6.876				2016	2016	6.390	6.390		6.390	0	
3	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Phú đoạn từ cầu Ông Bích đến đê Tá Đáy	Nghĩa Phú	1,7249	Cấp IV ĐB	8.376				2016-2017	2016-2017	7.127	7.127		7.127	0	
4	Cải tạo nâng cấp đường Đông Kinh Nghĩa Thục	p. Ngô Quyền	0,2700	Đường cấp 4	2.130,47				2016	100%	2.007,82	2.007,82		2.007,82	0,00	
5	Xây dựng tuyến đường C5 khu ĐTM Tây Đông Mạc (đoạn từ đường Túc Mạc kéo dài đến đường 52 m)	p. Thống Nhất	0,1255	Đường cấp 4	4.494,65				2016 - 2017	100%	4.258,99	4.258,99		4.258,99	0,00	
6	Đường Nguyễn Khuyến (đoạn từ đường vào Công ty giống cây trồng đến đầu ghi bắc ga Nam Định)	p. Trường Thi	0,4456	Đường cấp 4	4.998,49				T6 - T10/2017	100%	4.481,39	4.481,39		4.481,39	0,00	
7	Cải tạo nâng cấp đường Xuân Trinh và ngõ 192 đường Trần Huy Liệu (đoạn từ UBND phường Trường Thi đến khu gia đình quân nhân)	p. Trường Thi	0,3856	Đường cấp 4	5.248,01				T6 - T10/2017	100%	4.528,40	4.528,40		4.528,40	0,00	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
8	Cải tạo, NC tuyến đường từ đường Trần Huy Liệu đến đường Mỹ Xá, xã Mỹ Xá	x. Mỹ Xá	0,30283	Đường cấp 4	5.767,44				T6 - T10/2017	100%	4.915,82	4.915,82		4.915,82		0,00
9	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Tùng Mậu và lắp đặt điện chiếu sáng đường Hoàng Ngân, Nguyễn Văn Tố p. Phan Đình Phùng	p. P. Đ. Phùng	0,091	Đường cấp 4	1.027,93				2017	100%	922,25	922,25		922,25		0,00
10	Xây dựng ngõ 5/56, 15/26 Phúc Tân và đường D9, N17 khu TĐC Phúc Tân	TP Nam Định	0,3554	Đường cấp 4	3.671,31				T5 - T10/2017	100%	3.391,71	3.391,71		3.391,71		0,00
11	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ đường Chợ Lội – Đại Thắng với QL 37B Vụ Bản	huyện Vụ Bản		Cấp V	14.998,0				KC 2017 - HT 2017		14.815,0	6.050,0	6.050,0			8.765,00
12	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Mỹ Điền	xã Nam Mỹ, xã Điền Xá	2	V	8.184	8.184			4/2017 - 10/2017	6 tháng	7.784	3.150	3.150			4.634
II	Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán															
1	CT,NC đường Hoàng Nam đoạn từ chùa Hưng Thịnh đến đê Tả Đào	Hoàng nam	2,49	Cấp V ĐB	14.676	14.676			2016-2018	2016-2017	13.832	4.240	4.240			9.592
2	Điều chỉnh, bổ sung báo cáo KTKTĐường trục trung tâm huyện lỵ Mỹ Lộc (đoạn từ cầu Giàng đến cầu Lê Xá) - GĐII	Thị trấn Mỹ Lộc	1,87		12.549	10.049	2.500		2017	2017		3.332	1.006	2.326		9.217
3	Cải tạo, nâng cấp xây dựng công hộp 3 tuyến mương hồ TP ND	TP Nam Định										27.631,00	22.631,00	5.000,00		2.156,00
-	Đường trên kênh Mạ Điện		0,2245	Đường cấp 4						100%						
-	Đường trên mương Đình Bộ Lĩnh		0,3300	Đường cấp 5						100%						
4	Cải tạo, nâng cấp đường Mỹ Xá (đoạn từ chùa Vị Dương ra Quốc lộ 10)	x. Mỹ Xá	0,3028	Đường cấp 4	5.640,13				T6 - T10/2017	100%	4.917,80	2.700,00		2.700,00		2.156,00

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn			
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	
5	Đường nối QL10 đến đèo Đọ, đèo Bét và đường Nguyễn Công Trứ kéo dài nối đèo Đọ, đèo Bét.	p. Lộc Vượng	1,2670	Đường cấp 4	120.088,00				2016-2017	100%		82.902,60	68.991,00	13.911,60		8.033,40
III	Các dự án chưa hoàn thành															
1	XD đường Gom CCN Nghĩa Sơn huyện Nghĩa Hưng	xã Nghĩa Sơn	1,7004	Cấp V ĐB	14.998		14.998		2017-2018	2017-2018	5.860	3.300	3.300		2.560	
2	CT,NC đường Phong - Bình huyện Nghĩa Hưng	Xã Nghĩa Phong, Nghĩa Bình	8,3524	Cấp V ĐB	87.147	87.147			2016-2020	2016-2020	34.692	0			34.692	
3	CT,NC đường Thành Lợi huyện Nghĩa Hưng đoạn từ QL 21B đến chợ Nghĩa Thành	xã Nghĩa Thành	0,958	Cấp IV ĐB	5.546		5.546		2017-2018	2017-2018		1.500		1.500		
4	CT,NC đường trục trung tâm xã Nghĩa Hùng đoạn từ đường Hồng Hải Đông đến đường Lâm - Hùng - Hải	xã Nghĩa Hùng	0,5936	Cấp IV ĐB	3.050		3.050		2017-2018	2017-2018		1.500		1.500		
5	Cải tạo, nâng cấp đường Thịnh Thắng, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Thịnh, Mỹ Thành, TT Mỹ Lộc, Mỹ Tiến, Mỹ Thắng	11,9	V ĐB	111.939,285	111.939,285			2017							
6	Cải tạo nâng cấp đường 63B đoạn từ Đốc Lộc xã Mỹ Phúc đến Đốc Sắc xã Mỹ Thắng huyện Mỹ Lộc	Mỹ Phúc, Mỹ Thắng,	1	VI ĐB	3.000	3.000			2018							
7	Dự án: Cải tạo nâng cấp xây dựng một số tuyến đường cứu hộ & phòng chống lụt bão tuyến đê tả sông Sô huyện Giao Thủy	Xã Giao Thiện,	1,8	Cấp 5 đồng bằng	14.900	7.450	7.450		2017-2018	khối lượng 31% hợp đồng		2.300	2.300			
8	Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn Bình - Lạc, huyện Giao Thủy	xã Giao Lạc, Bình Hòa	9,6	Cấp 5	47.454	47.454			2016-2018	khối lượng 90% hợp đồng		19.000	19.000			

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí			Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn		
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện					Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	
9	Cải tạo, nâng cấp đường Tiên - Thịnh, huyện Giao Thủy	Xã Giao Tiên, Giao Tân, Giao Thịnh, Giao Yên	12,95	Cấp 5	103.886	103.886			2016-2020	khôi lượng 23% hợp đồng				
10	XD đường gom QL10 (đoạn từ nhà thi đấu đến trụ sở công an Tỉnh)	p. Lộc Vượng	0,3858	Đường cấp 3	25.501,18				2017-2018	28%	8.000,00	8.000,00		4.500,00
11	Cải tạo, nâng cấp đường Phùng Khắc Khoan	TP Nam Định	0,5014	Đường cấp 4	7.204,21				2017-2018	30%	1.300,00		1.300,00	
12	XD tuyến đường trục trung tâm phía nam TPND (đoạn nối từ Tỉnh lộ 490C đến vị trí giao với đường dẫn cầu Tân Phong)	x. Nam Phong, Nam Vân, p. Cửa Nam, x. Nam Mỹ h. Nam Trực	2,645	Đường cấp 4	341.900,00				2016 - 2018	34%	151.000,00	151.000,00		
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phòng chống lụt bão đảm bảo an ninh quốc phòng từ Quốc lộ 38B đến đường Chợ Lồi - Đại Thảng đến đê Hữu Đào	huyện Vụ Bản	11,67	Cấp V	219.691,0				KC 02/2015		99.596,0	99.596,0		120.095
14	Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 21 đi Quốc lộ 38B đến Tỉnh lộ 486B, huyện Vụ Bản	huyện Vụ Bản	11,43	Cấp V	120.351,0				KC 3/2018					
15	Đường Vô Tình - Văn Lai	Trực Ninh	1,5	Cấp V	14.669	14.669			2016-2017	12 tháng	11.469	10.260	10.260	
16	Đường Trục Chính - Phương Định	Trực Ninh	2,648	Cấp V	14.275	14.275			2016-2017	13 tháng	3.075	2.480	2.480	
17	Đường Nam Ninh Hải (Đoạn từ cầu Gai đến chợ Giá)	Trực Ninh	1,951	Cấp V	14.900	14.900			2017-2018	15 tháng	3.383	3.300	3.300	
18	Dự án cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nam Toàn	huyện Nam Trực	1,7	V	14.125				KC 4/2017					
19	Dự án cải tạo nâng cấp giao thông thị trấn Xuân Trường	huyện Xuân Trường	2,2	V,VI	14.531	14.531			2017-2018	2017-2018				

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (km)	Quy mô cấp đường	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán (hoặc KL nghiệm thu)	Mức vốn đã bố trí			Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn		
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện					Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	
20	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Bắc-Phong-Đài huyện Xuân Trường	Xuân Hồng, Ngọc, Bắc, Phong, Đài, Phú	12,838	V	105.000	103.333	1.667		2017-2020	2017-2020				
21	Dự án cải tạo nâng cấp đường Lâm Dương	huyện Ý Yên	2,95	IV	14.240	14.240			2016-2017	2016-2018	2.020	2.020		12.220
22	Cải tạo, nâng cấp đường Thành - Xá	huyện Ý Yên	15,433	III	121.246						21.979			
23	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Cát Đằng đến thị trấn Lâm (Quốc lộ 38B)	huyện Ý Yên	1,71	III	25.928						9.300			
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Yên Khánh - Yên Phong	huyện Ý Yên	2,27	III	14.998						1.000			
25	Đường Trung Hòa giai đoạn 2	Hải Hậu	14,6	V	86.218	86.218			2016-2018	16 tháng	10.280	10.280		75.938
26	Đường Vân Nam	Hải Hậu	1,6	V	13.735	13.735			2017-2018	18 tháng	3.800	3.800		9.935
27	Đường Tây Sông Múc	Hải Hậu	9,2	V	59.239	59.239			2015-2018	36 tháng	10.390	10.390		48.849



BIỂU 02: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI LÀM CHỦ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2018
(Kèm theo Báo cáo số: 20/BC-KTNS ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (Km)	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Mức vốn đã bố trí			Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn		
						NSTW	NS Tỉnh					Nguồn vốn khác	NSTW	
A	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2011													
1	Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 490C2 đoạn từ S2 đến Nam Điền và đoạn từ Km40 đến phả Thịnh Long	Huyện Nam Trực, Trục Ninh, Nghĩa Hưng	L = 52,978 km	- Đoạn từ Km3+540-Km41: thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng với chiều rộng nền đường Bn = 12m; - Đoạn từ Km41-Km55 thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng với Bn = 9m, Bmặt = 7m, đoạn qua trường PTTH Nghĩa Hưng mở rộng theo quy mô đường cấp III ; - Đoạn Km40 đến phả Thịnh Long: giữ nguyên quy mô hiện trạng.	936.285			2009-2015	Đã quyết toán dự án hoàn thành	889.759	875.743			14.016
2	Nâng cấp Tỉnh lộ 490C đoạn từ cầu Đò Quan đến S2 (Km0+00-Km3+540)	Thành phố Nam Định	L = 3,542 km	Đường cấp II đô thị; Bn = 16,5m; Bm = 10,5m	65.289			2009-2012	Đã quyết toán dự án hoàn thành	60.441,712	60.441,712			-
3	Xây dựng cầu Tùng Lâm, cầu Chợ Quán trên Tỉnh lộ 486B	Huyện Hải Hậu	Cầu Tùng Lâm có chiều dài Lc = 23,5m; cầu Chợ Quán có chiều dài cầu Lc = 32,3m	Cầu bằng BTCT và BTCT DWL, móng cọc BTCT; Chiều rộng cầu B = 12m; đường đầu cầu quy mô cấp III đồng bằng	34.731		34.731	2010-2012	Đã quyết toán dự án hoàn thành	26.312	26.312			-
4	Xây dựng cầu Nam Điền B (Km9+350), tỉnh lộ 489, tỉnh Nam Định	Huyện Giao Thủy	Chiều dài Lc = 39,75m	Cầu xây vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL, cọc khoan nhồi, bề rộng cầu = 12m; đường đầu cầu theo quy mô đường cấp III đồng bằng	20.275		20.275	2009-2011	Đã quyết toán dự án hoàn thành	19.068	19.068			-
B	Dự án đầu tư từ 01/01/2011-31/12/2015													
I	Các dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán													
1	Dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh thành phố Nam Định, đoạn từ thị trấn Mỹ Lộc đến QL10	thành phố Nam Định, Huyện Mỹ Lộc	L = 3,9 km	Mở rộng thêm làn đường chính mỗi bên 5,0m vào giải phân cách giữa so với mặt cắt ngang của dự án xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định	85.908		85.908	2011-2012	Đã hoàn thành	71.983	72.011		72.011	
2	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ QL21 đến trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định	Huyện Hải Hậu	L = 1,358 km	Đường cấp V đồng bằng, Bn = 7,5m; Bm = 5,5m	10.766		10.766	2014	Đã quyết toán dự án hoàn thành	10.388	10.388		10.388	-

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (Km)	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Mức vốn đã bố trí			Số vốn còn thiếu		
					Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn				
						NSTW	NS Tỉnh					Nguồn vốn khác	NSTW		NS Tỉnh	Nguồn vốn khác
3	Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 486B đoạn từ thị trấn Liễu Đề đến cầu Hà Lạn	Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Nam Trực, Trực Ninh	L = 26 km	Đường cấp III đồng bằng: Bn = 12m; Bm = 11m	551.673				2011-2014	Đã quyết toán dự án hoàn thành	523.833	523.833				-
4	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 486B đoạn từ thị trấn Gôi đến thị trấn Liễu Đề	Huyện Vụ Bản, Ý Yên	L = 18,138 km	Đường cấp IV đồng bằng: Bn = 9m; Bm = 8m	245.692				2013-2014	Đã quyết toán dự án hoàn thành	179.958	179.958				-
5	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 486B đoạn từ Tỉnh lộ 489B đến thị trấn Ngô Đồng huyện Giao Thủy	Huyện Giao Thủy	L = 12 km	Đường cấp III đồng bằng: Bn = 12m; Bm = 11m	161.799				2014-2015	Đã quyết toán dự án hoàn thành	156.152	156.152				-
6	Cải tạo, nâng cấp QL38B đoạn từ QL10 đến QL1A, giai đoạn I	TP Nam Định, Huyện Mỹ Lộc, Vụ Bản, Ý Yên	L = 26,4 km	Đường cấp IV đồng bằng: Bn = 9m; Bm = 8m	593.635	593.635			2013-2017	- Đoạn từ Km 89+300- Km111+600 đã quyết toán hoàn thành hạng mục - Đoạn từ Km88+00- Km92+100 (tuyến tránh TP Nam Định): đã thi công cơ bản xong		430.000	430.000			40.000
7	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư Xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào	TP Nam Định, huyện Nam Trực	L = 6,2 km	Đường cấp II đồng bằng: Bn = 24 m	8.000				2014-2015	Đã quyết toán dự án hoàn thành	8.000	8.000				-
8	Xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào	TP Nam Định, huyện Nam Trực	L = 3,58 km	Đường cấp II đồng bằng: Bn = 24 m	228.313		228.313		2015-2017	Đã quyết toán dự án hoàn thành	200.753	110.450		110.450		90.303
9	Cải tạo, nâng cấp đường vào KCN dệt may Rạng Đông và PCLB, cứu hộ cứu nạn huyện Nghĩa Hưng - GĐ I	Huyện Nghĩa Hưng	L = 1,6km	Đường cấp III đồng bằng: Bn = 12 m	50.872		50.872		2015-2017	Đã quyết toán dự án hoàn thành	33.742	33.742		33.742		
10	Xây dựng cầu Thống Nhất, huyện Nghĩa Hưng	Huyện Nghĩa Hưng	0	cầu BTCT DUL; Tải trọng HL93	10.109				2015-2017	Đã quyết toán dự án hoàn thành	9.982	9.320	1.320		8.000	662
II	Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán															
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường 488C tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định	Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định			329.909	329.909			2013-2014	Đã hoàn thành		269.704	269.704			

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (Km)	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Mức vốn đã bố trí			Số vốn còn thiếu
					Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn		
						NSTW	NS Tỉnh					Nguồn vốn khác	NSTW	
III	Các dự án chưa hoàn thành													
1	Xây dựng Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến thị trấn Thịnh Long	Huyện Nam Trực, Trực Ninh, Hải Hậu	L = 31,3 km (không bao gồm các tuyến nhánh bổ sung)	- Đoạn từ cầu Voi đến QL37B: đầu tư theo quy mô đường cấp IV đồng bằng có Bn= 9m, Bm = 11m. - Đoạn từ Tỉnh lộ 488C đến Km37+200: theo quy mô đường cấp IV đồng bằng có Bn= 9m, Bm = 11m. - Đoạn từ Km37+200 đến thị trấn Thịnh Long: đầu tư theo quy hoạch của thị trấn có Bn= 21m, Bm= 15m	792.028	385.126	406.902	2014-2018	- Đoạn từ cầu Voi đến phà Đại Nội: đã nghiệm thu kỹ thuật. - Đoạn từ phà Đại Nội đến QL37B: đang thi công. - Đoạn từ Tỉnh lộ 488C-Thịnh Long: đã quyết toán hạng mục		523.660	414.030	109.630	268.368
C	Dự án đầu tư xây dựng từ 01/01/2016 đến 31/3/2018													
I	Các dự án chưa hoàn thành													
1	Dự án Đầu tư xây dựng đường trục phát triển kết nối Vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Huyện Ý Yên, huyện Nghĩa Hưng	46km	- Cấp II đồng bằng: Đoạn Km0+0-KM36+400 - Đô thị chủ yếu: Đoạn KM36+400-KM46	4.986.000 (giai đoạn I: 2.596.000; giai đoạn II: 2.390.000)	Giai đoạn I: 1.200.000	Giai đoạn I: 1.396.000	Tháng 12/2017 - Tháng 12/2020	36 tháng		1.100.697	1.077.080	23.617	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP)	Tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Thái Bình	79,4km	Cấp II đồng bằng (quy mô hoàn chỉnh: đường cao tốc)	10.643.000	5.659.000	1.000.000	Dự kiến nguồn vốn Nhà đầu tư: 3.984 tỷ đồng	Dự kiến từ QI/2020 đến hết QIV/2022	36 tháng	2.000		2.000	
3	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường 487 tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định	Huyện Nghĩa Hưng, Nam Trực, Trực Ninh tỉnh Nam Định	33,479		494.930	89.987	404.943	2015-2018	95%		304.490	235.000	69.490	190.440
4	Xây dựng Tỉnh lộ 489C đoạn từ nút giao QL21 (cầu Lạc Quần) đến cầu Sa Cao	Huyện Xuân Trường	L = 16,643 km (không bao gồm các tuyến nhánh bổ sung)	Đường cấp III đồng bằng: Bn = 12m; Bm = 11m	582.000			2016-2020	Dự án đã thi công xong nền đường, các cầu, công trên tuyến; đang thi công lớp móng cấp phối đá dăm		231.140		231.140	350.860

BIỂU 03. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG DO ĐƯỜNG BỘ DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2018
(Kèm theo Báo cáo số: 20/BC-KTNS ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (Km)	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ thực hiện	Nguồn vốn đã bố trí
A	Dự án đầu tư xây dựng từ 01/01/2011 đến 31/12/2015							
I	Các dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán							
1	Dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 21 từ Đò Quan đến Thị trấn Thịnh Long	Tỉnh Nam Định	57	- Đoạn Nam Định - Lạc Quần : Cấp III Bn=12m - Đoạn Lạc Quần - Thịnh Long : Cấp IV ĐB, Bn=9m	1.043		Đã hoàn thành	
2	Dự án cải tạo nâng cấp 31 tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định (WB3)	Tỉnh Nam Định	82,976	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường liên xã đạt cấp đường GTNT loại A, Loại B	224.708	2010-2014	Đã hoàn thành	190.397
B	Dự án đầu tư xây dựng từ 01/01/2016 đến 31/3/2018							
I	Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán							
1	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) (13 tuyến đường năm thứ nhất)	Tỉnh Nam Định	38,303	Khôi phục, cải tạo các tuyến đường tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh Nam Định	76.225	2017-2018	Đã hoàn thành	72.381
II	Các dự án chưa hoàn thành							
1	Dự án phát triển GTVT khu vực đồng bằng bắc bộ (WB6) trên địa bàn tỉnh Nam Định	Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Trực Ninh, Xuân Trường		Hợp phần A: Nâng cấp các hành lang đường thủy quốc gia. + Nâng cấp các hành lang đường thủy số 3: Hà Nội – Lạch Giang + Nâng cấp cửa sông Ninh Cơ và kênh nối Đáy – Ninh Cơ; Hợp phần B: Các bến khách ngang sông Cựa Gà, và Đò Bùì	210,08 triệu USD (170,69 triệu USD vốn WB và 39,39 triệu USD vốn đối ứng của Chính phủ)	2009-2020	Hiện tại còn Hạng mục kênh nối Đáy – Ninh Cơ đã duyệt thiết kế xong, đang chờ Quốc hội hợp duyệt nguồn vốn đối ứng	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chiều dài tuyến (Km)	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tiến độ thực hiện	Nguồn vốn đã bố trí
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Thịnh Long thuộc tuyến đường bộ ven biển tỉnh Nam Định.	Hải Hậu, Nghĩa Hưng	L =2,36km	- Phần đường dẫn đầu cầu: đường cấp III đồng bằng theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005, tốc độ thiết kế: Vtk=80km/h, Bm=11m, Bn=12m, Eyc≥140Mpa. - Phần cầu: Cầu được bố trí gồm 19 nhịp, chiều dài toàn cầu 953,95m, tải trọng thiết kế HL93, bề rộng cầu Bcầu=12m	1.158.102	2015-2019	Đang thi công	
3	Xây dựng cầu Bến mới trên QL38B bắc qua sông Đáy, nối hai tỉnh Nam Định và Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình, Nam Định		Xây dựng với quy mô 02 làn xe cơ giới, tổng bề rộng cầu B=12m; đường đầu cầu theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng	409.286	2017-2019	Đang thiết kế kỹ thuật	